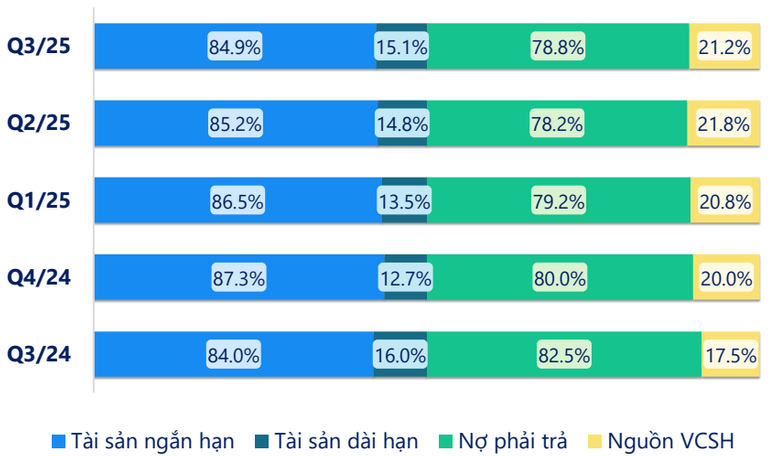
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (HSX: NVL)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	15,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,100
SL cổ phiếu LH	1,950,104,538
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,808,515
% sở hữu nước ngoài	8.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	29,739
P/E	-7.8
EPS	-1,943

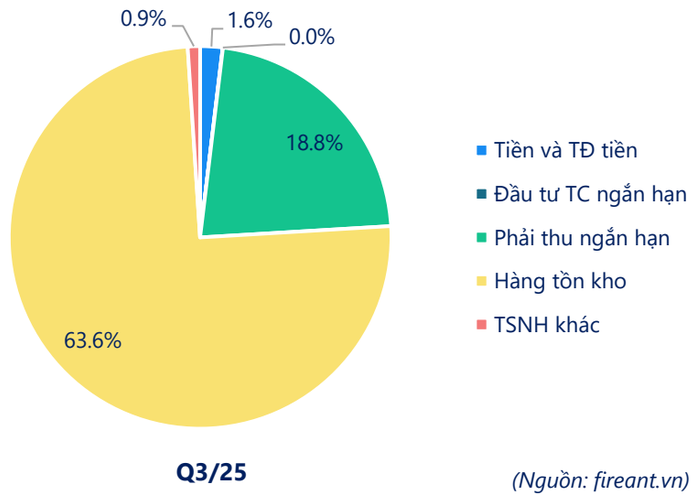
	YTD	1T	3T	6T
NVL	46.6%	-11.8%	2.3%	47.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



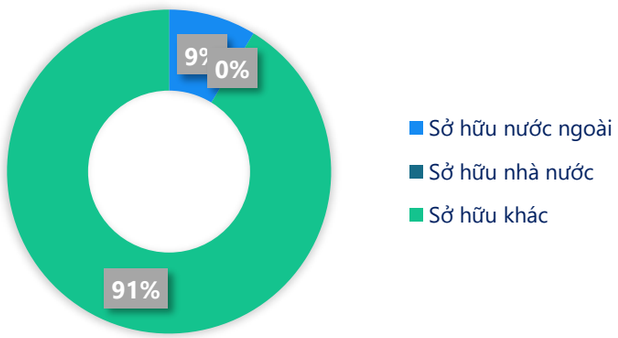
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



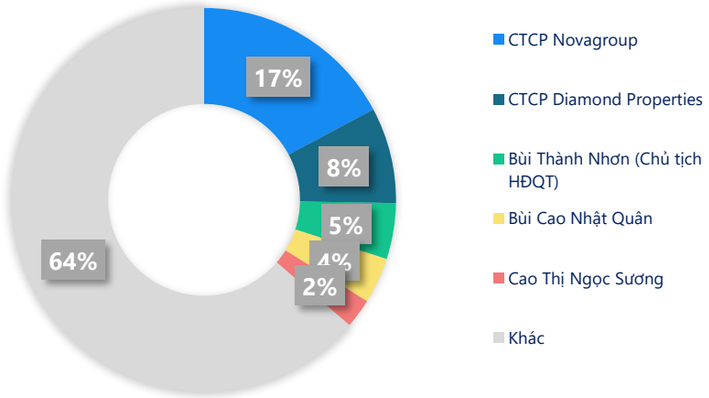
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



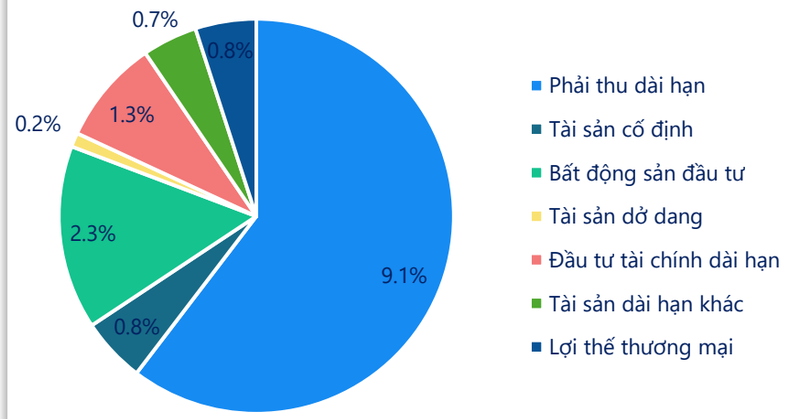
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

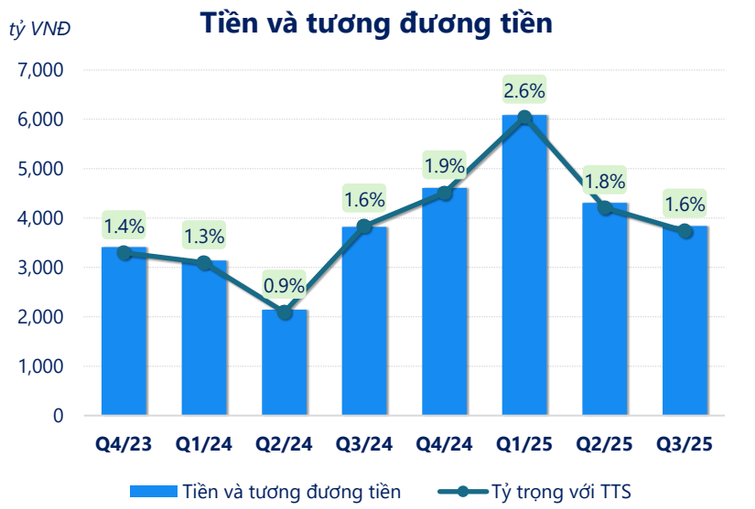


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

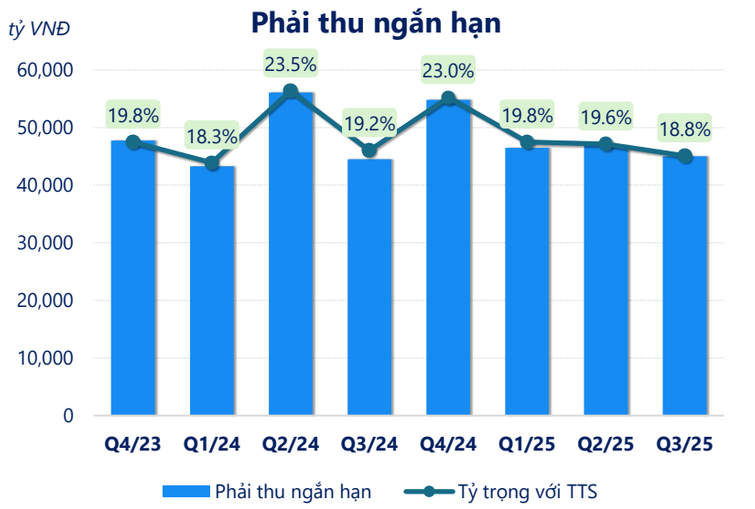
CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (HSX: NVL)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



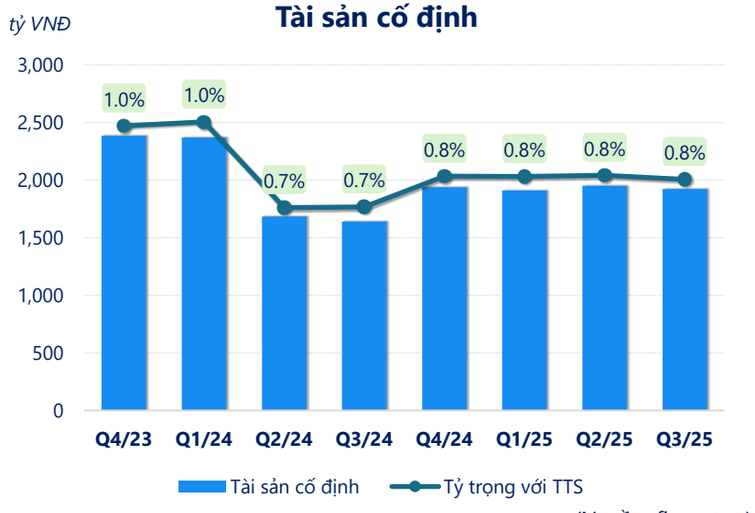
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



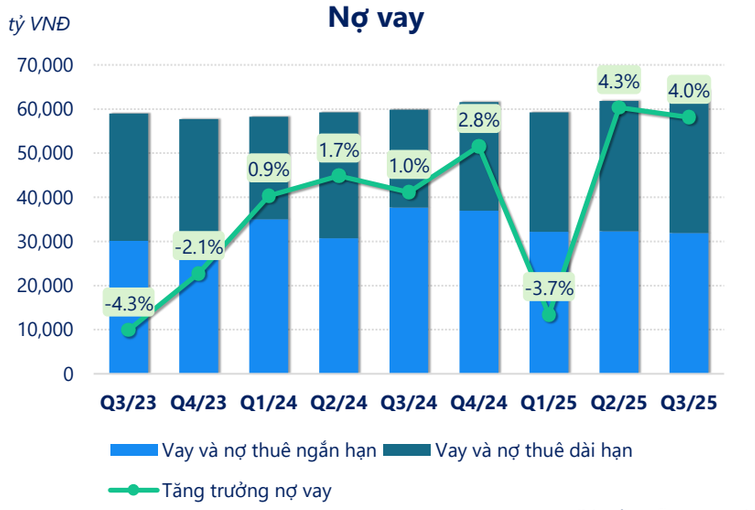
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



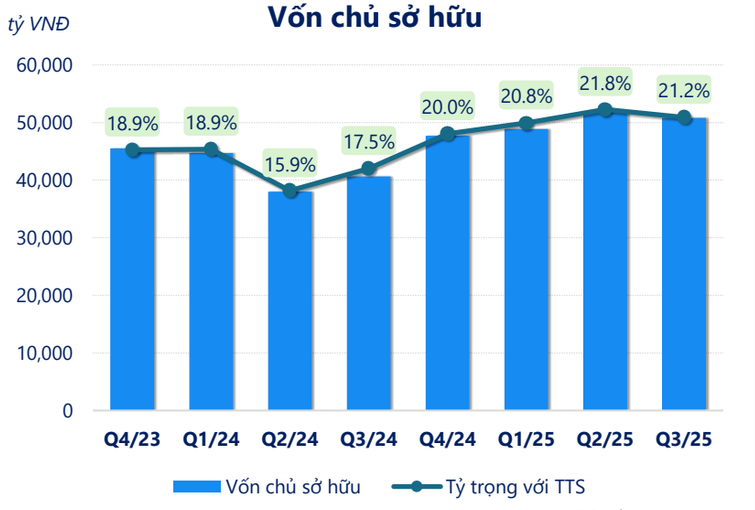
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

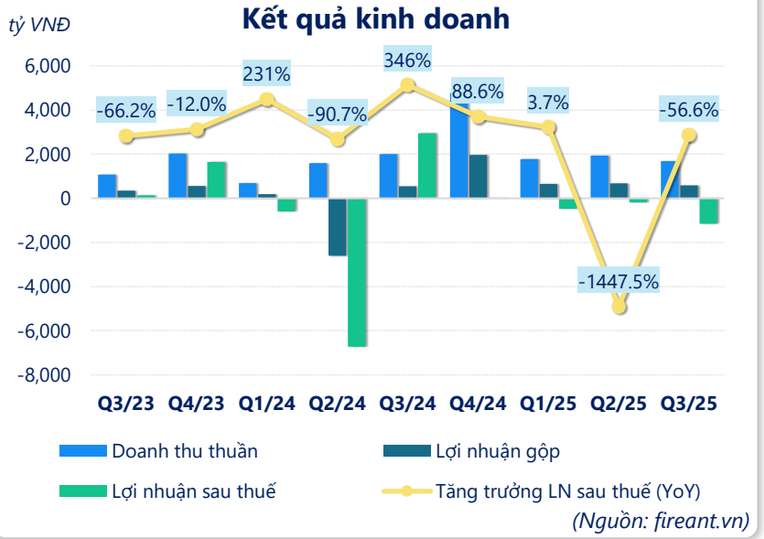
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

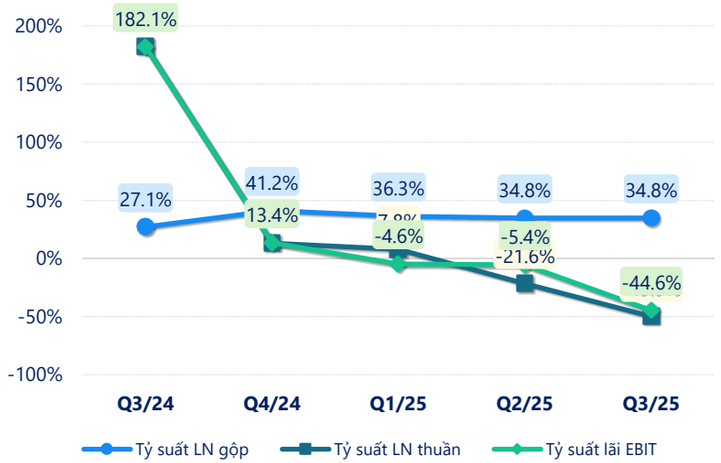
CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (HSX: NVL)

Kết quả kinh doanh



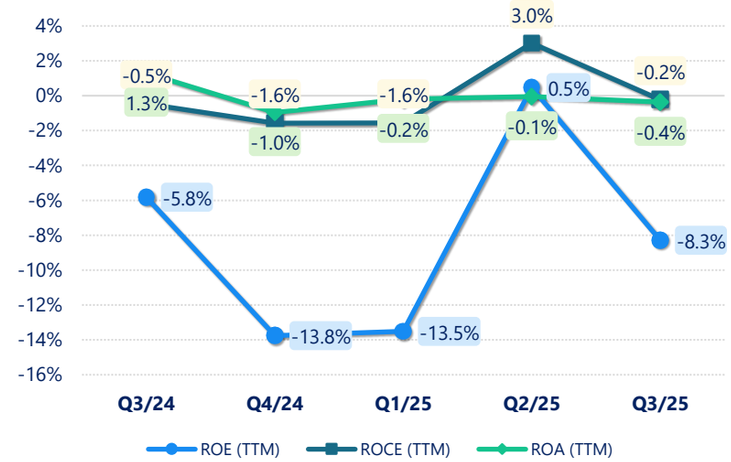
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



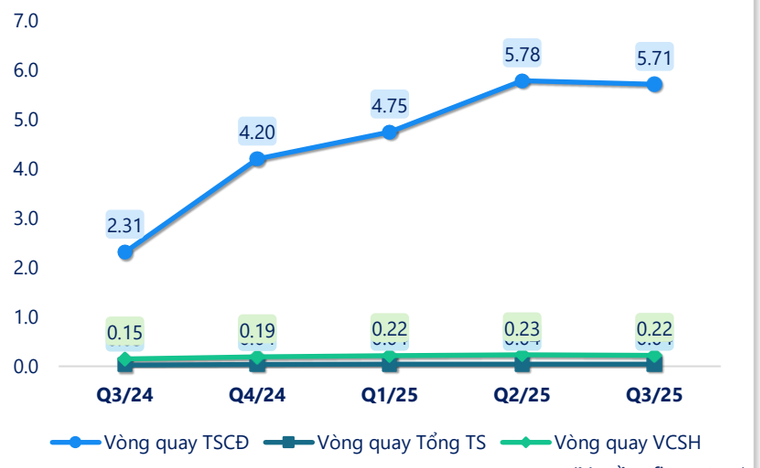
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



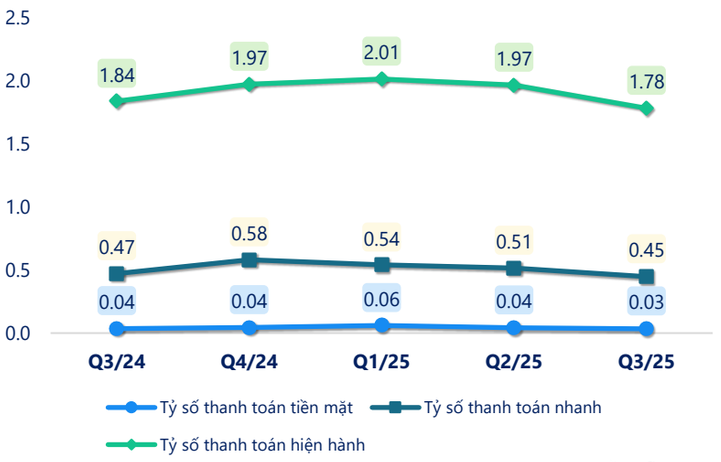
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



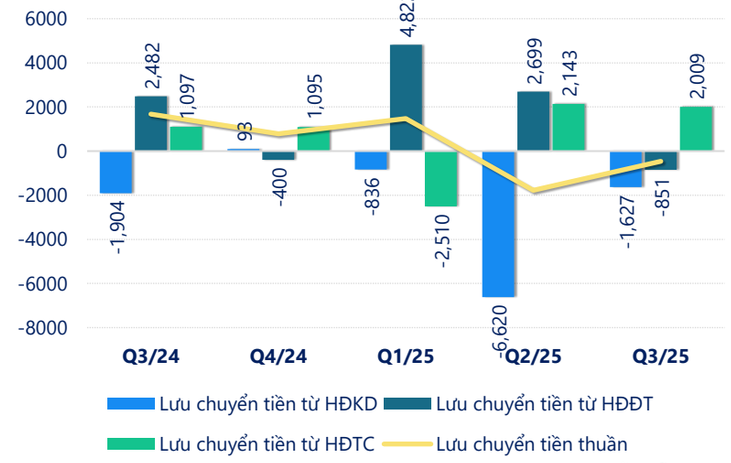
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (HSX: NVL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**239,575**	**237,778**	**0.8%**
Tài sản ngắn hạn	203,299	207,831	-2.2%
Tiền và tương đương tiền	3,838	4,608	-16.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.5	31.3	55.2%
Phải thu ngắn hạn	45,017	54,813	-17.9%
Hàng tồn kho	152,285	146,607	3.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2,109	1,771	19.1%
Tài sản dài hạn	**36,276**	**29,947**	**21.1%**
Phải thu dài hạn	21,902	15,901	37.7%
Tài sản cố định	1,923	1,938	-0.8%
Bất động sản đầu tư	5,469	5,737	-4.7%
Tài sản dở dang	419	544	-23.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	3,115	1,709	82.2%
Tài sản dài hạn khác	**1,637**	**1,642**	**-0.3%**
Lợi thế thương mại	1,811	2,476	-26.8%
Nợ phải trả	188,761	190,487	-0.9%
Nợ ngắn hạn	**114,084**	**107,222**	**6.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	31,934	36,978	-13.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	7,931	8,467	-6.3%
Nợ dài hạn	74,676	83,265	-10.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	32,349	24,588	31.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**50,814**	**47,291**	**7.4%**
Vốn chủ sở hữu	**50,814**	**47,291**	**7.4%**
Vốn điều lệ	19,501	19,501	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	2,010	4,779	1,778	1,937	1,683
Giá vốn hàng bán	1,465	2,811	1,132	1,263	1,097
Lợi nhuận gộp	545	1,967	646	673	586
Doanh thu HĐTC	3,898	598	516	512	456
Chi phí TC	319	1,254	633	1,136	1,449
Chi phí lãi vay	83.0	66.3	40.0	33.1	31.6
LN trong công ty LKLD	1.05	-9.27	5.30	1.16	3.47
Chi phí bán hàng	104	300	91.0	155	126
Chi phí QLDN	355	369	303	314	310
LN thuần từ HĐKD	3,666	633	140	-418	-839
Lợi nhuận khác	-88.1	-59.2	-262	279	57.1
LN trước thuế	3,578	574	-122	-138	-782
Lợi nhuận sau thuế	2,950	25.6	-476	-190	-1,153
LNST của CĐ cty mẹ	3,120	-2,307	-476	-127	-878

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,904	93.4	-836	-6,620	-1,627
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2,482	-400	4,822	2,699	-851
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,097	1,095	-2,510	2,143	2,009
Tiền đầu kỳ	2,145	3,820	4,608	6,084	4,306
Lưu chuyển tiền thuần	**1,675**	**788**	**1,477**	**-1,778**	**-468**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	3,820	4,608	6,084	4,306	3,838

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic